

Số: 4779 /QĐ-UBND

An Thi, ngày 09 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng ĐH.65, huyện An Thi (đoạn từ giao ĐT.386 đến ĐT.376 mới)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công, xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Ban hành định mức xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 115/NĐ-HĐND ngày 16/9/2021 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng ĐH.65, huyện An Thi (đoạn từ giao ĐT.386 đến ĐT.376 mới);

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: Số 69/2021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 về việc ban hành quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 2716/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 về việc phê duyệt dự án nâng cấp, mở rộng ĐH.65, huyện An Thi (đoạn từ giao ĐT.386 đến ĐT.376 mới);

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-SXD ngày 08/4/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND huyện An Thi: Số 1237/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 về việc phê duyệt chỉ định đơn vị tư vấn khảo sát địa hình bước lập bản vẽ thi công, dự toán; số 1296^b/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 về việc phê

duyet nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát bước lập thiết kế bản vẽ thi công; số 1986/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 về việc chỉ định thầu đơn vị tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán; xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng ĐH.65, huyện Ân Thi (đoạn từ giao ĐT.386 đến ĐT.376 mới);

Căn cứ Thông báo số 1151/SGTVT-KCHT ngày 08/6/2022 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên về việc thông báo kết quả thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án nâng cấp, mở rộng ĐH.65, huyện Ân Thi (đoạn từ giao ĐT.386 đến ĐT.376 mới);

Căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Báo cáo số 115/BCKQTĐ-KT&HT ngày 02/8/2022 về việc báo cáo kết quả thẩm định dự toán xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng ĐH.65, huyện Ân Thi (đoạn từ giao ĐT.386 đến ĐT.376 mới).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng ĐH.65, huyện Ân Thi (đoạn từ giao ĐT.386 đến ĐT.376 mới), với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Nâng cấp, mở rộng ĐH.65, huyện Ân Thi (đoạn từ giao ĐT.386 đến ĐT.376 mới).

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Ân Thi.

3. Địa điểm xây dựng: Huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

4. Nhà thầu thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình: Trung tâm tư vấn giao thông vận tải.

5. Nhà thầu thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Hoàng Phúc.

6. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng tuyến đường nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hoá của Nhân dân; từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông của huyện Ân Thi, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện Ân Thi nói riêng và tỉnh Hưng Yên nói chung.

7. Quy mô đầu tư và các giải pháp thiết kế kỹ thuật chủ yếu

7.1. Quy mô công trình: Nâng cấp, mở rộng ĐH.65, huyện Ân Thi (đoạn từ giao ĐT.386 đến ĐT.376 mới) với các chỉ tiêu chính như sau:

- Đường cấp III đồng bằng, tốc độ thiết kế chầm chước $V_{tk} = 60\text{km/h}$.

- Tải trọng trục thiết kế 10T; mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 155\text{Mpa}$ (theo Tiêu chuẩn 22TCN 211 - 06).

- Loại mặt đường: Mặt đường bê tông nhựa.

- Chiều dài tuyến thiết kế 1.129m.

7.2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chính:

7.2.1. Phần nền, mặt đường

a) Bình đồ tuyến: Tuyến đường đi theo đường cũ. Điểm đầu giao với ĐT.386 thuộc địa phận xã Nguyễn Trãi, điểm cuối giao với ĐT.376 thuộc địa phận xã Nguyễn Trãi. Chiều dài tuyến 1.129m.

b) Trắc dọc tuyến: Thiết kế trắc dọc phù hợp với các tuyến đường trong khu vực, đảm bảo tính kết nối và độ êm thuận trên toàn tuyến.

c) Trắc ngang tuyến:

- Chiều rộng mặt đường: $B_m = 7\text{m}$, độ dốc ngang $i = 2\%$.
- Chiều rộng lề gia cố: $B_{lgc} = 2\text{bên} \times 2,0\text{m} = 4\text{m}$, độ dốc ngang $i = 2\%$.
- Chiều rộng lề đất: $B_{ld} = 2\text{bên} \times 0,5\text{m} = 1\text{m}$, độ dốc ngang $i = 4\%$.
- Chiều rộng nền đường: $B_n = 12\text{m}$.

d) Kết cấu áo đường (theo thứ tự từ trên xuống dưới):

- Trên mặt đường mở rộng:
 - + Lớp BTN C12,5 dày 5cm.
 - + Tưới nhựa dính bám bằng nhũ tương CSS-1, tiêu chuẩn $0,5\text{kg}/\text{m}^2$.
 - + Lớp BTN C19 dày 7cm.
 - + Tưới nhựa thấm bám bằng nhũ tương CSS-1, tiêu chuẩn $1,0\text{kg}/\text{m}^2$.
 - + Lớp móng trên bằng cấp phối đá dăm loại 1 dày 18cm.
 - + Lớp móng dưới bằng cấp phối đá dăm loại 2 dày 32cm.
- Trên mặt đường cũ:
 - + Lớp BTN C12,5 dày 5cm.
 - + Tưới nhựa dính bám bằng nhũ tương CSS-1, tiêu chuẩn $0,5\text{kg}/\text{m}^2$.
 - + Lớp BTN C19 dày 7cm.
 - + Tưới nhựa thấm bám bằng nhũ tương CSS-1, tiêu chuẩn $1,0\text{kg}/\text{m}^2$.
 - + Lớp móng trên bằng cấp phối đá dăm loại 1 dày 18cm.
 - + Bù vênh trên đường cũ bằng cấp phối đá dăm loại 1.
- Kết cấu lề gia cố như kết cấu áo đường.

đ) Nền đường mở rộng:

- Bóc lớp đất không thích hợp, sau đó đắp hoàn trả nền đường bằng cát đen đầm chặt $K \geq 0,95$. Lớp tiếp giáp với kết cấu áo đường đắp bằng cát đầm chặt $K \geq 0,98$, chiều dày 30cm.

- Lề đường và mái ta luy nền đường đắp bằng đất đầm chặt $K \geq 0,90$, độ dốc mái ta luy đắp $m = 1:1.5$.

- Thiết kế gia cố mái ta luy các đoạn nền đường mở rộng lấn mương dọc tuyến để đảm bảo ổn định nền đường và giảm khối lượng giải phóng mặt bằng. Chiều dài đoạn gia cố mái 477m. Kè xây đá hộc vữa XMCV M100 dày 30cm trên lớp đệm đá dăm dày 10cm. Gia cố nền đất móng kè bằng cọc tre $L = 2,5\text{m}$ mật độ $25\text{ cọc}/\text{m}^2$.

e) Nút giao:

- Nút giao với ĐT.386: Thiết kế phù hợp với hiện trạng, mở rộng các bán kính rẽ kết hợp hệ thống báo hiệu đường bộ để đảm bảo giao thông.

- Nút giao với ĐT.376 mới: Thiết kế nút giao bằng kết hợp với thiết kế mở rộng làn, đảo dẫn hướng và hệ thống báo hiệu đường bộ để tổ chức giao thông.

7.2.2. Các công trình trên tuyến

a) Hệ thống thoát nước:

- Thiết kế xây dựng mới 07 công, trong đó có 01 công D1000 trên đường chính, 05 công D800 và 01 công hộp 1,5x1,5m bố trí trên đường ngang. Thiết kế nối dài 04 công: 01 công hộp 2x2m, 01 công 3x(3x2m), 02 công D1500.

Giải pháp kết cấu:

+ Công tròn, công hộp 1,5x1,5m, 2x2m bằng BTCT đúc sẵn lắp ghép. Móng công hộp bằng BTXM đổ tại chỗ M150 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Móng công tròn bằng BTCT đúc sẵn lắp ghép trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Gia cố nền đất móng công bằng cọc tre với chiều dài 2,5m, mật độ 25 cọc/1m².

+ Công hộp 3x(3x2m): Thân công bằng BTCT đổ tại chỗ M300, móng bằng BTXM đổ tại chỗ M150. Gia cố nền đất móng công bằng cọc tre với chiều dài 2,5m, mật độ 25 cọc/1m².

- Đào hoàn trả mương đất với chiều dài 720m, chiều rộng đáy mương B = 1m - 1,5m và hoàn trả 645m kênh tiêu trạm bơm Tam đô có chiều rộng đáy mương B = 9,0m.

b) Hệ thống an toàn giao thông

- Thiết kế xây dựng hệ thống báo hiệu đường bộ (biển báo, vạch sơn kẻ đường, cọc tiêu, cọc H, cột KM) theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2019/BGTVT.

- Hệ thống biển báo hiệu được dán màng phản quang; cột biển báo bằng thép, có đường kính D89mm, được sơn trắng, đỏ theo quy chuẩn; móng bằng BTXM đổ tại chỗ M150 đá 2x4.

- Cọc tiêu bằng BTXM đúc sẵn M200 đá 1x2, kích thước ngang 15x15cm. Móng bằng BTXM đổ tại chỗ M150 đá 2x4.

- Cọc H bằng BTXM đúc sẵn M200 đá 1x2, kích thước ngang 20x20cm. Móng bằng BTXM đổ tại chỗ M150 đá 2x4.

- Cột Km bằng BTXM đúc sẵn M200 đá 1x2. Móng bằng BTXM đổ tại chỗ M150 đá 2x4.

- Vạch sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang dày 2mm, vạch gờ giảm tốc dày 6mm.

(Chi tiết xem tập BVTK cơ sở đã được sở Giao thông vận tải tỉnh thẩm định)

8. Tổng giá trị dự toán xây dựng công trình: 22.189.390.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi hai tỷ, một trăm tám mươi chín triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	20.137.756.000	đồng
+ Chi phí Quản lý dự án:	484.038.000	đồng
+ Chi phí tư vấn xây dựng:	1.239.366.000	đồng
+ Chi phí khác:	308.532.000	đồng
+ Chi phí dự phòng:	19.698.000	đồng
Tổng cộng:	22.189.390.000	đồng

9. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh 70%; ngân sách huyện Ân Thi 30%.

10. Hình thức quản lý: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án theo đúng quy định.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2021-2025.

Điều 2. Chủ đầu tư, các phòng, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường huyện; Chủ đầu tư; Kho bạc Nhà nước Ân Thi; Chủ tịch UBND các xã: Văn Nhuệ, Nguyễn Trãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /*sv*

Nơi nhận: *sv*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Cường